TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2017/DS - ST
Ngày: 13/12/ 2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Trúc Mai;
2. Ông Trần Thành Chúng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa***: ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 166/2017/TLST - DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 552 /2017/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 11 năm 2017giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Kiều Văn H**, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1964;

Bà **Nguyễn Hồng P**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Ông H có mặt, ông M và bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ông H trình bày: năm 2016 không nhớ chính xác ngày tháng ông có cho ông M vay tiền 3 đợt, lần đầu vay 30.000.000 đồng, lần thứ hai vay 60.000.000 đồng và lần cuối vay 100.000.000 đồng. Các lần vay tiền không có làm biên nhận nợ nhưng về sau ông thấy ông M có dấu hiệu muốn chiếm dụng tiền nên cùng với ông M đến gặp ông Hòa trưởng ấp làm 01 biên nhận về việc ông M vay tiền của ông H, ông M thừa nhận nợ nhưng chỉ hứa bán nhà sẽ trả chứ

không nói cụ thể thời gian thanh toán. Về lãi suất khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất là 100.000.000 đồng thì đóng lãi 6.000.000 đồng. Ông M chỉ đóng lãi được 02 lần với tổng số tiền là 22.800.000 đồng thì ngưng. Nay yêu cầu ông M và bà P cùng có nghĩa vụ trả lại cho ông 190.000.000 đồng và tính lãi trên số tiền vốn kể từ ngày 10/12/2016 AL cho đến khi dứt nợ, lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn M không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông H. Tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai ngày 19/7/2017 ông khai: Thừa nhận có mượn nợ ông H 03 lần với tổng số tiền là 190.000.000 đồng, tuy nhiên việc mượn nợ là mượn giùm cho bà Võ Thị N, cư trú tại ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú. Hiện bà N không có ở địa P, xin gia hạn 01 tháng để liên hệ với bà N tìm cách trả nợ. Ông không đồng ý trả nợ do đây không phải nợ của ông mà là nợ của bà N, ông H phải đòi bà N trả nợ mới đúng.

Bà Nguyễn Hồng P không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết vụ án, tại buổi hòa giải bà P vắng mặt, ông H và ông M vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Tại phiên tòa, ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là: Không yêu cầu bà P có nghĩa vụ thanh toán nợ cùng với ông M; đồng ý khấu trừ phần tiền lãi đã nhận vượt quá quy định pháp luật vào tiền vốn và yêu cầu tính lãi theo lãi suất do pháp luật quy định trên số tiền vốn còn lại.

Ông M và bà P vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, đương sự trong quá trình tố tụng và của Hội đồng xét xử phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình tố tụng: Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, không thuộc trường hợp phải thay đổi hay bị thay đổi. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và hợp pháp. Trong quá trình tố tụng, bà P không tham gia hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa ông H và ông M có xảy ra việc vay tiền, có làm biên nhận nợ nên xem là giao dịch dân sự hợp pháp. Tòa án đã đưa bà Võ Thị N vào tham gia tố tụng theo yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bà N không có liên quan nên Tòa án đã có thông báo xác định người tham gia tố tụng, theo đó bà N không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Tại phiên tòa, ông H rút lại phần yêu cầu buộc bà P trả nợ và chỉ yêu cầu tính lãi trên số vốn gốc còn lại sau khi khấu trừ phần tiền lãi đã nhận vượt quá, xuất phát từ sự tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông M trả nợ, tính lãi trên số vốn gốc và đình chỉ xét xử đối với bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết buộc ông M, bà P thanh toán khoản nợ vay; các đương sự có địa chỉ thường trú tại huyện An Phú. Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[1.2] Ông M, bà P vắng mặt tại phiên tòa mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà.

[1.3] Quá trình tố tụng, căn cứ vào lời khai của các đương sự Tòa án đã đưa bà Võ Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện việc bà N nhờ ông M hỏi tiền giùm là không có căn cứ, do vậy Tòa án đã có thông báo về việc xác định người tham gia tố tụng, theo đó bà Võ Thị N không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.4] Đối với bà Nguyễn Hồng P, ông H khởi kiện yêu cầu bà và ông M cùng có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay cho ông, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thể hiện việc vay tiền chỉ diễn ra giữa ông H và ông M, bà P không có tham gia; ông H rút lại yêu cầu buộc bà P phải thanh toán khoản nợ trên cùng với ông M. Xét thấy: Việc rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà P cũng như việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông H về số nợ phải thanh toán là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông H và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu buộc bà P trả nợ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ áp dụng pháp luật và loại hợp đồng:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Năm 2016, ông M có vay của ông H 03 lần với tổng số tiền là 190.000.000 đồng, lãi suất 11.400.000 đồng/tháng, có làm Tờ thừa nhận nợ ngày 03/4/2017 nhưng không ấn định thời điểm thanh toán. Khi tham gia giao dịch, các đương sự đều là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của

pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Từ những chứng cứ trên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền là có căn cứ và không vi phạm thời hiệu khởi kiện.

Giao dịch dân sự này phát sinh trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thi hành, nhưng đến tháng 4/2017 thì các bên có làm 01 Tờ thừa nhận nợ với nhau. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án áp dụng những quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán:

Các đương sự thống nhất số tiền mà ông M hỏi vay của ông H là 190.000.000 đồng, ông M là người trực tiếp đến gặp ông H hỏi vay và nhận tiền. Xét thấy các bên đương sự đều thống nhất về số tiền vay và là người trực tiếp thực hiện giao dịch, do vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông M có nghĩa vụ trả nợ.

Mặc dù trong Tờ thừa nhận nợ và tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải ông M cho rằng khoản tiền này ông mượn giùm cho bà Võ Thị N, tuy nhiên trong nội dung của Tờ thừa nhận nợ lập ngày 03/4/2017 không có ý kiến của bà N hoặc chữ ký xác nhận của bà về việc có nhờ ông M mượn tiền và ông M cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác ngoài lời khai của mình. Do đó, trong trường hợp bà N thực sự có nhờ ông M mượn tiền giùm thì ông có quyền khởi kiện bà N trong một vụ kiện khác để yêu cầu bà thanh toán lại khoản tiền này.

Về P thức thanh toán: Việc ông H yêu cầu ông M phải trả dứt điểm một lần số nợ còn thiếu là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ việc này do các đương sự tự thỏa thuận tại cơ quan thi hành án.

[2.3] Về số tiền vốn, lãi suất và nghĩa vụ trả lãi:

Ông H và ông M thống nhất khi vay lãi suất thỏa thuận là 11.400.000 đồng/tháng/số tiền vốn. Ông H xác nhận đã nhận 02 tháng tiền lãi của ông M nhưng do bà N mang tiền đến đóng lãi giùm. Ông M cho rằng việc đóng lãi do bà N đi đóng vì đây là tiền nợ của bà N với ông H.

Xét thấy: Các đương sự thống nhất với nhau về việc có đóng tiền lãi 02 lần nhưng còn tranh chấp với nhau về vai trò của người mang tiền đến đóng tiền lãi. Tuy nhiên do ông M không có chứng cứ chứng minh khoản tiền vay này là ông vay giùm cho bà N nên bà N phải đi đóng lãi, tại phiên tòa ông H cũng xác định khoản tiền mà bà N mang đến đưa cho ông chính là tiền lãi mà ông M phải đóng hàng tháng theo thỏa thuận; nên để đảm bảo quyền lợi cho ông M, Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền lãi 22.800.000 đồng mà ông H đã nhận là tiền lãi do ông M đóng lãi đối với khoản tiền vay 190.000.000 đồng.

Trong vụ án này, các đương sự thống nhất lãi suất khi vay là 6.000.000 đồng/100.000.000 đồng, tương đương 6%/tháng. Mức lãi suất thỏa thuận này là cao so với quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, do vậy cần điều chỉnh lại và khấu trừ phần tiền lãi vượt quá vào phần vốn gốc; tại phiên tòa ông H cũng yêu cầu khấu trừ phần tiền lãi vượt quá vào phần vốn gốc là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Cụ thể:

Tiền lãi hàng tháng được tính lại theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: 190.000.000 đồng x 20% : 12 = 3.166.666 đồng.

Khấu trừ vào phần tiền lãi mà ông H đã nhận như sau:

(11.400.000 đồng – 3.166.666 đồng) x 02 tháng = 16.466.668 đồng.

Do vậy số tiền vốn còn lại mà ông M phải trả cho ông H là:

190.000.000 đồng – 16.466.668 đồng = 173.533.332 đồng.

Về thời điểm tính lãi: Ông H yêu cầu Tòa án tính lãi từ ngày 10/12/2016 AL, theo ông đây là thời điểm ông M đóng lãi lần cuối cùng, sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ. Ông M đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, đã tham gia hòa giải nhưng ông không có ý kiến gì về mốc thời gian tính lãi mà ông H yêu cầu Tòa án xem xét. Do vậy chấp nhận yêu cầu của ông H, xác định mốc thời gian thực hiện tính lãi là kể từ ngày 10/12/2016 AL.

Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc ông H yêu cầu ông M phải chịu lãi với mức lãi suất do nhà nước quy định kể từ ngày 10/12/2016 AL (tức ngày 07/01/2017) là đúng pháp luật. Tuy nhiên yêu cầu tính lãi trên số vốn còn lại kể từ ngày 10/12/2016 AL cho đến khi ông M trả dứt nợ là không có cơ sở xem xét. Do đó chỉ tính lãi từ ngày 07/01/ 2017 đến ngày xét xử là ngày 13/12/2017 như sau:

173.533.332 đồng x 1,66% x (341 ngày : 30) = 32.797.799 đồng.

Tổng cộng tiền lãi mà ông M có nghĩa vụ trả cho ông H là 32.797.799 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: ông H không phải chịu án phí, ông được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 147, 228, 244, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 351, 357, 466, 468, 469 và 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ trả nợ.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn M phải trả cho ông H số tiền 206.331.131 đồng gồm tiền vốn là 173.533.332 đồng và tiền lãi là 32.797.799 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Án phí: Ông M phải chịu 10.316.556 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H không phải chịu án phí, ông được nhận lại số tiền 4.750.000 (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011157 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** *Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- Các đương sự;.
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo